

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 235/1, Tổ 8, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn U, sinh năm 1982; địa chỉ: địa chỉ: Số 235/1, Tổ 8, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày: Vào đầu năm 2005, chị với anh Dương Văn U tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên cho tổ chức đám cưới và sống với nhau như vợ chồng, đến ngày 30/6/2008, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Dương Thị Bích Trâm, sinh ngày 01/5/2006 và cháu Dương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 26/4/2010. Tuy nhiên từ năm 2013, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, không khí gia đình căng thẳng không thể giải quyết. Anh U nhiều lần uống rượu về đánh đập chị bằng tay, bằng chân. Lần gần nhất, vào khoảng năm 2020, sau khi đánh chị bằng

tay, chân, anh U còn mang chị nhả xuống đường mường ruộng, khi thoát được chị chạy về nhà mẹ ruột. Từ những hành vi của anh U, chị thấy không thể hàn gắn tình cảm được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Văn U.

Về con, anh chị có 02 con chung là cháu Dương Thị Bích Trâm và cháu Dương Thị Quỳnh Như. Cháu Trâm đã có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Như đang đi học và sống chung với chị nên chị nhận nuôi con và yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi cháu Như mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, anh chị tạo lập được một số tài sản chung như sau:

- Một cái vỏ bằng mica cũ, dài 8m, ngang khoảng 1m, trọng tải 1 tấn, trị giá 8.000.000 đồng;
- Một cái máy xe cũ, trị giá 5.000.000 đồng;
- Một cái vỏ nhỏ bằng mica, dài 5m, đã cũ, trị giá 4.500.000 đồng;
- Một cái máy Honda cũ để bơm nước, trị giá 5.000.000 đồng;
- Một chiếc xe Honda cũ hiệu Sirius, mua của tiệm cầm đồ, chưa sang tên anh chị, trị giá 12.000.000 đồng;

Tổng cộng tài sản chung có trị giá 34.500.000 đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng). Chị giao toàn bộ tài sản trên cho anh U sử dụng và yêu cầu anh U phải trả cho chị 1/2 giá trị tài sản là 17.250.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Về nợ chung: Chị xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/7/2022, chị T xin rU một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu chia tài sản chung.

Bị đơn anh Dương Văn U đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại khoản 1, Điều 56; khoản 1 và khoản 2, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim T.

Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim T ly hôn với anh Dương Văn U.

Về nuôi con chung: Giao hai cháu Dương Thị Bích Trâm, sinh ngày 01/5/2006 và cháu Dương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 26/4/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh U được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh U trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị T, anh U, nhưng anh, chị không có mặt tại phiên tòa, riêng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh U chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 30/6/2008, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng, giữa chị T và anh U thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân rạn nứt, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, chị T cho rằng quá trình chung sống anh T còn dùng vũ lực đánh đập chị, chị không còn tình cảm với anh U, xét thấy hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T về việc cho chị ly hôn với anh U.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, anh chị có 02 con chung là cháu Dương Thị Bích Trâm, sinh ngày 01/5/2006 và cháu Dương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 26/4/2010. Cháu Trâm tuy đã có gia đình riêng nhưng cháu còn trong độ tuổi vị thành niên, việc chung sống như vợ chồng với người khác không được pháp luật công nhận, nên cháu vẫn cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ, xét thấy các cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ và chị T cũng tự nguyện nhận nuôi các con, xét nên giao hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh U được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục con chung. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh U trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xin rU một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi cháu Dương Thị Huỳnh Như, bị đơn anh U không có ý kiến trình bày tại Tòa và không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, tại đơn khởi kiện chị T đồng ý giao toàn bộ tài sản chung cho anh U quản lý, sử dụng và chị yêu cầu được nhận 50% giá trị tài sản chung là 17.250.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị xin rU yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[7] Về nợ chung: Chị T xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng chị không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56; khoản 1 và khoản 2, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim T ly hôn với anh Dương Văn U.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Dương Thị Bích Trâm, sinh ngày 01/5/2006 và cháu Dương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 26/4/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh U được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh U trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi hai con Dương Thị Bích Trâm và Dương Thị Huỳnh Như, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung.

6. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007782 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T đã nộp xong.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai